ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 99 /BC-UBND	*Tây Ninh , ngày 25 tháng 3 năm 2019*

BÁO CÁO
Giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2018

Thực hiện Nghị định 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư, trên cơ sở báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư của các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố, UBND tỉnh Tây Ninh tổng hợp báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tình hình thực hiện công tác giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2018 như sau:

I. TÌNH HÌNH BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN CÁC CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ THEO THẨM QUYỀN:

1. Căn cứ pháp lý:

- Luật Đầu tư công;

- Luật Xây dựng;

- Luật Đầu tư;

- Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư;

- Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư;

- Thông tư số 13/2016/TT-BKHĐT ngày 29/9/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước.

2. Về Hệ thống thông tin về giám sát và đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước (Hệ thống thông tin):

Thực hiện chủ trương ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giám sát, đánh giá đầu tư, nhằm từng bước hiện đại hóa công tác giám sát, đánh giá đầu tư cũng như công khai, minh bạch thông tin các chương trình, dự án đầu tư, UBND tỉnh Tây Ninh có Văn bản số 1325/UBND-KTN ngày 15/5/2015 gửi các cơ quan triển khai công tác giám sát, đánh giá đầu tư; lập và gửi báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư qua Hệ thống thông tin.

Sở Kế hoạch và Đầu tư cũng đã phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư triển khai và hoàn thiện công tác đào tạo, hướng dẫn nghiệp vụ liên quan đến công tác giám sát, đánh giá đầu tư trên Hệ thống thông tin đến các cơ quan trên phạm vi toàn tỉnh vào năm 2016.

Đến thời điểm hiện tại thì các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố (Chủ đầu tư) trên địa bàn tỉnh đã đăng nhập vào được hệ thống nhưng do đường truyền kết nối vào hệ thống không ổn định nên việc cập nhật thông tin số liệu dự án phần nào còn hạn chế. Mặt khác, do một số cán bộ phụ trách còn hạn chế về công nghệ thông tin, dù đã có nhiều cố gắng song vẫn không tránh khỏi các sai sót nên thời gian báo cáo và tổng hợp báo cáo chưa kịp thời so với quy định.

II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ QUY HOẠCH:

1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch thuộc lĩnh vực quản lý.

Năm 2018, tỉnh đã triển khai lập 7 dự án quy hoạch, đều là những dự án được chuyển tiếp từ năm 2017 sang và đã được phê duyệt, thuộc các lĩnh vực: điện, rừng, thuỷ lợi, vật liệu xây dựng, khoáng sản, chất thải rắn và quảng cáo.

(Chi tiết biểu mẫu đính kèm)

2. Việc quản lý thực hiện các quy hoạch theo quy định.

Quy trình lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu được tổ chức thực hiện chặt chẽ, tuân thủ đúng hướng dẫn tại Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu. Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan được thực hiện tốt, đảm bảo tính liên kết, thống nhất giữa các quy hoạch.

Luật Quy hoạch năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật yêu cầu các địa phương tự rà soát để bãi bỏ những quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hoá, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hoá, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ trước ngày 31/12/2018 và chuẩn bị các điều kiện để tiến hành lập quy hoạch tỉnh. Tuy nhiên, cho đến nay việc bãi bỏ các dự án quy hoạch chưa có hướng dẫn cụ thể đã gây lúng túng cho địa phương trong việc xác định quy hoạch nào là quy hoạch sản phẩm cần được bãi bỏ. Mặt khác, một số quy hoạch liên quan đến việc quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện nên không thể bãi bỏ khi chưa có văn bản thay thế.

Việc xây dựng quy hoạch tỉnh cho thời kỳ 2021 – 2030, trung ương chưa ban hành Nghị định thi hành luật, thông tư hướng dẫn xác định định mức chi phí

cho việc lập quy hoạch và các văn bản hướng dẫn khác. Do đó, cho đến nay, việc xây dựng quy hoạch tỉnh chưa thể tiến hành.

3. Một số kiến nghị giải quyết.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có hướng dẫn cụ thể hơn về việc bãi bỏ các dự án quy hoạch tại điểm d, Điều 59 Luật Quy hoạch.

Trung ương sớm ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Quy hoạch để địa phương làm căn cứ lập dự án quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ

1. Tình hình thực hiện:

Tổng vốn đầu tư XDCB năm 2018 là 3.201,901 tỷ đồng, bao gồm các nguồn như sau:

- Ngân sách tỉnh theo Nghị quyết HĐND tỉnh([1]): 2.137,09 tỷ đồng (*ngân sách tập trung: 547,09 tỷ đồng; nguồn thu tiền sử dụng đất: 140 tỷ đồng; xổ số kiến thiết: 1.450 tỷ đồng).*

- Vốn ngân sách trung ương: 646,261 tỷ đồng, cụ thể:

+ Hỗ trợ các chương trình mục tiêu: 581,783 tỷ đồng, bao gồm: vốn trong nước là 151,524 tỷ đồng và vốn nước ngoài (ODA) là 430,259 tỷ đồng.

+ Hỗ trợ các chương trình mục tiêu quốc gia: 64,478 tỷ đồng, bao gồm: chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 51,1 tỷ đồng và chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 13,378 tỷ đồng.

- Vốn TPCP: 418,55 tỷ đồng.

* Kết quả thực hiện năm 2018

Đến 31/01/2019 giải ngân 2.726,875 tỷ đồng, đạt 85,16% KH.

Cụ thể phân theo nguồn vốn như sau:

- Ngân sách địa phương: Kế hoạch vốn 2.137,09 tỷ đồng; đến 31/01/2019 giải ngân 1.992,783 tỷ đồng, đạt 93,25% KH.

- Trung ương hỗ trợ: Kế hoạch vốn 216,002 tỷ đồng; đến 31/01/2019 giải ngân 182,94 tỷ đồng, đạt 84,69% KH, trong đó:

+ Chương trình mục tiêu: Kế hoạch vốn 151,524 tỷ đồng, đến 31/01/2019 giải ngân 119 tỷ đồng, đạt 78,54% KH.

+ Chương trình MTQG: Kế hoạch vốn 64,478 tỷ đồng, đến 31/01/2019 giải ngân 63,94 tỷ đồng, đạt 99,17% KH.

([1]) Nghị quyết số 54/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 về kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018

- Vốn ODA: Kế hoạch vốn 430,259 tỷ đồng, đến 31/01/2019 giải ngân 295,754 tỷ đồng, đạt 68,74% KH.

- Vốn TPCP: Kế hoạch vốn 418,55 tỷ đồng, đến 31/01/2019 giải ngân 255,397 tỷ đồng, đạt 61,02% KH.

(Đính kèm biểu số 01)

2. Những mặt làm được:

- Công tác triển khai giao kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch vốn đầu tư XDCB năm 2018 đảm bảo thực hiện các qui định tại Nghị định 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm và Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2018 để các ngành, các cấp làm cơ sở triển khai thực hiện; đúng định hướng của Tỉnh ủy và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đã góp phần tiếp tục thực hiện mục tiêu cơ cấu lại đầu tư công, bảo đảm bố trí vốn tập trung, khắc phục được tình trạng dàn trải, thất thoát, lãng phí, nâng cao hiệu quả đầu tư.

- Đã chuẩn bị kỹ, chặt chẽ các hồ sơ, dự án để trình Trung ương thẩm định, phân khai các nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, trái phiếu Chính phủ, vay ưu đãi cơ bản đảm bảo tiến độ qui định.

- Sửa đổi, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh theo quy định, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh, nâng cao hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

- Trong quá trình điều hành UBND tỉnh đã tổ chức kiểm tra, kiểm soát cụ thể việc triển khai thực hiện các dự án, kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót ngay tại công trình. Kịp thời điều chỉnh, bổ sung vốn từ các công trình, dự án không hoàn thành sang dự án có khối lượng, dự án hoàn thành, phát huy hiệu quả.

- Kịp thời chỉ đạo rà soát tình trạng nợ đọng trong XDCB để có kế hoạch xử lý đúng quy định.

- Đẩy mạnh chỉ đạo, kiểm tra thực hiện công tác quyết toán các dự án hoàn thành, nhất là các dự án tồn tại cũ. Đến nay, cơ bản hoàn thành quyết toán các công trình tồn tại từ các năm trước.

- Đã tổ chức quán triệt, hướng dẫn các quy định mới trong XDCB: Luật Đầu tư công, Luật Đấu thầu, Luật Xây dựng và các Nghị định hướng dẫn có liên quan để các ngành, các cấp quán triệt, tổ chức thực hiện đúng quy định. Đồng thời, UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện đầu tư XDCB.

3. Những mặt hạn chế:

- Công tác chuẩn bị đầu tư còn chậm, có nhiều dự án chuẩn bị đầu tư chưa đảm bảo quy chuẩn xây dựng, dẫn tới quy mô quá lớn, lãng phí, không đảm bảo tính cân đối, nên khi thẩm định, phê duyệt trả lại nhiều lần, mất thời gian, công sức.

- Việc phân khai chi tiết các nguồn vốn tuy đã được khắc phục, nhưng vẫn còn một số đơn vị chưa tháo gỡ khó khăn kịp thời, nên không đảm bảo điều kiện để được bố trí vốn, không đảm bảo về mặt thời gian, dẫn đến việc phân khai chậm.

- Việc triển khai thực hiện của một số chủ đầu tư, nhất là các thủ tục liên quan đến dự án mới còn rất chậm (công tác thiết kế bước bản vẽ thi công – tổng dự toán, tổ chức đấu thầu, lựa chọn đơn vị thi công …) nên giải ngân dồn vào cuối năm.

- Công tác huy động các nguồn vốn bổ sung cho đầu tư phát triển đã có nhiều cố gắng, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là vốn xây dựng nông thôn mới.

- Kế hoạch vốn năm 2018 đối với một số nguồn vốn giải ngân thấp:

+ Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ (dự án Tưới tiêu cho khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông) giải ngân thấp do các nguyên nhân sau: dự án được giao vốn khá lớn trong năm đầu khởi công (41,95% tổng mức đầu tư); do dự án lớn nên công tác thiết kế bản vẽ thi công - dự toán phức tạp, thời gian thực hiện kéo dài; công tác đền bù, giải phóng mặt bằng dự kiến thực hiện từ 8-12 tháng... Do đó, việc hoàn thành giải ngân kế hoạch vốn được giao năm 2018 là khó khả thi. Đến 31/01/2019, dự án chỉ giải ngân 255,397 tỷ đồng, đạt 61,02%KH, phần vốn chưa giải ngân tỉnh đề xuất trung ương cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2019.

+ Nguồn vốn trung ương hỗ trợ mục tiêu:

Dự án Trung tâm truyền hình: đã sử dụng nguồn ngân sách địa phương và đưa vào quyết toán ngân sách địa phương năm 2010 để hoàn ứng theo đề nghị của Kiểm toán Nhà nước tại công văn số 211/KTNN-TH ngày 16/8/2010, vì vậy việc bố trí vốn và thu hồi vốn ứng cho dự án trong năm 2018 gặp khó khăn vướng mắc về thủ tục, hạch toán ngân sách.

Chương trình hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg (gồm: 11,556 tỷ đồng vốn hoàn ứng và 13,812 tỷ đồng vốn thực hiện): được triển khai thực hiện từ năm 2013 và kết thúc vào năm 2015, tỉnh đã sử dụng nguồn ngân sách địa phương để thực hiện hoàn thành

Chương trình và đưa vào quyết toán ngân sách địa phương năm 2014 - 2015. Vì vậy, việc bố trí vốn và thu hồi vốn ứng cho dự án trong năm 2018 gặp khó khăn vướng mắc về thủ tục, hạch toán ngân sách.

UBND tỉnh đã có văn bản số 2794/UBND-KTN ngày 13/11/2018 trình Thủ tướng Chính phủ cho phép điều chuyển phần vốn này sang các dự án khác có nhu cầu sử dụng vốn.

- Công tác quyết toán dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng còn chậm, quyết toán vượt thời gian so với quy định.

- Chế độ báo cáo trong công tác xây dựng cơ bản chưa được đảm bảo, đặc biệt là công tác báo cáo nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Việc báo cáo chưa được các Chủ đầu tư quan tâm đúng mức, đa số các đơn vị báo cáo trễ, không đầy đủ, không đáp ứng đúng yêu cầu, không chính xác khả năng thực hiện, thậm chí nắm không rõ, không chắc về số nợ đọng cần xử lý, gây khó khăn cho tỉnh trong việc tổng hợp nắm tình hình và xử lý kịp thời.

❖ Những mặt hạn chế do các nguyên nhân:

- Sự phối hợp giữa chủ đầu tư là các Ban Quản lý dự án với các sở, ngành, các huyện, thành phố chưa được chặt chẽ dẫn đến công tác chuẩn bị đầu tư, bồi thường dự án chậm. Bên cạnh đó trách nhiệm của các BQLDA chưa cao, công tác lựa chọn đơn vị tư vấn thiết kế chưa đủ năng lực nên dự án phải chỉnh sửa nhiều lần (hồ sơ còn nhiều sai sót), ảnh hưởng tiến độ thực hiện dự án.

- Một số chủ đầu tư chưa thực hiện tốt việc phối hợp với các ngành chức năng để tháo gỡ khó khăn trong tổ chức thực hiện, chưa tích cực trong công tác thanh toán, giải ngân; một số huyện chưa chuẩn bị kịp hồ sơ dự án để đăng ký phân khai thực hiện theo các nội dung hỗ trợ và mục tiêu của tỉnh.

- Công tác thẩm định thiết kế bản vẽ thi công – tổng dự toán chậm cũng là một trong những khâu then chốt dẫn đến giải ngân thấp: Trước đây công tác này do chủ đầu tư tổ chức thẩm tra, thẩm định, nhưng hiện nay công tác này giao cho các sở xây dựng chuyên ngành. Việc này còn nhiều bất cập do hiện nay các sở xây dựng chuyên ngành không đủ nhân lực, phải thuê tư vấn để thẩm tra dự án. Vì vậy, tiến độ thẩm định thiết kế bản vẽ thi công – tổng dự toán nhanh hay chậm cũng phụ thuộc vào các đơn vị tư vấn thẩm tra này. Trong khi nhân sự các sở xây dựng chuyên ngành còn hạn chế, việc dồn quá nhiều dự án gây tồn đọng trong công tác thẩm định thiết kế - dự toán là điều không tránh khỏi, ảnh hưởng lớn đến các công tác triển khai tiếp theo.

- Nguyên nhân gây ra nợ đọng XDCB: Chủ đầu tư chậm trễ trong việc lập hồ sơ quyết toán đối với các dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng để trình cấp thẩm quyền phê duyệt; không thực hiện giải ngân hết kế hoạch mà tỉnh đã giao trong năm kế hoạch đối với các dự án đang triển khai; chưa chấp hành nghiêm chỉnh theo Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản tại các địa phương, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ, đẩy nhanh tiến độ thi công công trình để hoàn thành sớm đưa vào sử dụng nên giá trị khối lượng thực hiện lớn hơn so với kế hoạch vốn được giao. Ngoài ra, còn một số Chủ đầu tư chưa chấp hành đúng chế độ báo cáo nợ đọng XDCB theo quy định nên nợ đọng chưa được tổng hợp kịp thời để đề xuất giải pháp xử lý.

4. Tình hình nợ đọng vốn đầu tư:

Tình hình nợ đọng XDCB đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2018 trên địa bàn tỉnh như sau:

- Tổng số nợ đọng xây dựng cơ bản là 55,302 tỷ đồng/165 dự án (NSTW: 2,556 tỷ đồng/05 dự án, NSĐP: 52,746 tỷ đồng/160 dự án). Cụ thể:

+ Chuẩn bị đầu tư: 2,452 tỷ đồng/08 dự án (NSTW: 1,408 tỷ đồng/01 dự án; NSĐP: 1,044 tỷ đồng/07 dự án).

+ Thực hiện dự án: 52,850 tỷ đồng/157 dự án (NSTW: 1,148 tỷ đồng/05 dự án; NSĐP: 51,702 tỷ đồng/152 dự án), trong đó: nợ đọng của dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng là 52,552 tỷ đồng/155 dự án (NSTW: 1,148 tỷ đồng/05 dự án; NSĐP: 51,404 tỷ đồng/150 dự án) và nợ đọng của dự án đang thực hiện là 0,298 tỷ đồng/02 dự án (NSĐP).

- Số nợ đọng XDCB đến 31/12/2017 còn chuyển sang năm 2018 là 24,625 tỷ đồng.

- Nợ đọng XDCB phát sinh mới trong năm 2018 là 30,677 tỷ đồng/92 dự án (NSTW: 1,148 tỷ đồng/05 dự án, NSĐP: 29,529 tỷ đồng/87 dự án). Cụ thể:

+ Chuẩn bị đầu tư: 0,01 tỷ đồng /01 dự án (NSĐP).

+ Thực hiện dự án: 30,667 tỷ đồng/91 dự án (NSTW: 1,148 tỷ đồng/05 dự án; NSĐP: 29,519 tỷ đồng/86 dự án), trong đó: nợ đọng của dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng là 30,369 tỷ đồng/89 dự án (NSTW: 1,148 tỷ đồng/05 dự án; NSĐP: 29,221 tỷ đồng/84 dự án) và nợ đọng của dự án đang thực hiện là 0,298 tỷ đồng/02 dự án (NSĐP).

5. Tình trạng lãng phí, thất thoát vốn đầu tư: không.

IV. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư: thực hiện theo đúng quy định.

2. Việc lập, thẩm định, phê duyệt đầu tư chương trình: thực hiện theo đúng quy định.

3. Tình hình thực hiện các chương trình.

a) Việc quản lý thực hiện chương trình: thực hiện đúng quy định hiện hành.

b) Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án thành phần thuộc chương trình: thực hiện đúng quy định hiện hành. Tuy nhiên, một số huyện chậm trong khâu chuẩn bị hồ sơ dự án để đăng ký phân khai thực hiện theo các nội dung hỗ trợ mục tiêu của tỉnh.

c) Tình hình thực hiện chương trình: Tiến độ thực hiện các mục tiêu của chương trình đạt kế hoạch đã đề ra.

d) Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư:

- Chương trình mục tiêu quốc gia: 64,478 tỷ đồng, bố trí cho 2 chương trình, đến 31/01/2019, giải ngân 63,939 tỷ đồng, đạt 99,17% kế hoạch.

- Chương trình mục tiêu sử dụng Trung ương hỗ trợ:

+ Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng (04 dự án), tổng kế hoạch vốn là 104,000 tỷ đồng, đến 31/01/2019, giải ngân 104,000 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

+ Chương trình mục tiêu đầu tư phát triển hệ thống y tế địa phương (01 dự án): kế hoạch vốn là 15,000 tỷ đồng, đến 31/01/2019, giải ngân 15,000 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

+ Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa (01 dự án): bố trí thu hồi khoản ứng trước là 7,000 tỷ đồng. Tuy nhiên, tỉnh đã sử dụng nguồn ngân sách địa phương và đưa vào quyết toán ngân sách địa phương năm 2010 để hoàn ứng theo đề nghị của Kiểm toán Nhà nước tại công văn số 211/KTNN-TH ngày 16/8/2010. Vì vậy, việc bố trí vốn và thu hồi vốn ứng cho dự án trong năm 2018 gặp khó khăn vướng mắc về thủ tục, hạch toán ngân sách, tỉnh đã có văn bản báo cáo Trung ương xin điều chuyển vốn sang dự án khác.

- Chương trình mục tiêu sử dụng vốn địa phương: 5 chương trình, tổng kế hoạch vốn là 736,69 tỷ đồng. Đến 31/01/2019, giải ngân 731,908 tỷ đồng, đạt 99,35% kế hoạch.

+ Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới: tổng KH vốn 341,531 tỷ đồng.

+ Phát triển thành phố, thị xã (Chỉnh trang đô thị): tổng KH vốn 138,019 tỷ đồng.

+ Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia: 60,1 tỷ đồng.

+ Xây mới trường học thuộc Đề án phát triển giáo dục mầm non tại vùng nông thôn khó khăn: tổng KH vốn 51,745 tỷ đồng.

+ Hỗ trợ khác: tổng KH vốn 145,295 tỷ đồng.

(Kèm theo phụ lục 02)

V. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Theo số liệu báo cáo của 25/31 đơn vị tình hình quản lý các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước được tổng hợp như sau:

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án.

Theo quy định của Luật Đầu tư công, các dự án sử dụng vốn đầu tư công sẽ phải lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư. Việc phê duyệt chủ trương đầu tư sẽ giúp cơ quan chủ quản và cơ quan quản lý nắm bắt kịp thời việc thực hiện dự án và phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn quản lý, tránh đầu tư dàn trải, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của từng ngành, từng cấp.

Trong năm 2018, nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý phạm vi trên địa bàn tỉnh có dự án có 65 dự án có kế hoạch lập hồ sơ phê duyệt chủ trương đầu tư, trong đó đã thẩm định 48 dự án (đạt 73,84% so với kế hoạch), đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương là 44 dự án (đạt 67,69% so với kế hoạch, trong đó có 3 dự án nhóm B, 02 dự án nhóm C trọng điểm và 39 dự án nhóm C).

2. Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư: Trong kỳ báo cáo đã thẩm định và phê duyệt 64 dự án (bao gồm 02 dự án nhóm B, 62 dự án nhóm C và báo cáo kinh tế kỹ thuật) với giá trị tổng mức đầu tư là: 736.606 triệu đồng.

3. Tình hình lập, thẩm định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán: Trong kỳ báo cáo đã thẩm định và phê duyệt 30 thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán, với giá trị tổng mức đầu tư là 2.643.259 triệu đồng.

4. Tình hình thực hiện các dự án: Tổng số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ: 878 dự án (gồm 14 dự án nhóm B, 864 dự án nhóm C và Báo cáo kinh tế kỹ thuật).

5. Tình hình khai thác, vận hành dự án đã hoàn thành: Các công trình hoàn thành đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả tích cực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

6. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết: không có

(Kèm theo phụ lục số 03)

VI. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ

Trong tình hình nguồn ngân sách còn rất hạn chế so với nhu cầu đầu tư, việc khuyến khích và mở rộng việc đầu tư theo hình thức PPP là một chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước.

Trong năm 2018, tỉnh đăng công bố danh mục 11 dự án đầu tư theo hình thức PPP với tổng vốn đầu tư dự kiến là 2.924.499 triệu đồng., nhưng chưa có nhà đầu tư quan tâm.

Có một dự án do nhà đầu tư đề xuất chuyển tiếp từ năm 2017 sang là dự án Nâng cấp, mở rộng đường Huỳnh Tấn Phát theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT), nhưng tạm ngưng theo Công văn số 3515/BTC-QLGCS ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính về việc xử lý một số vấn đề chuyển tiếp trong quản lý, sử dụng tài sản công.

VII. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN KHÁC:

1. Việc thực hiện thủ tục đề nghị quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1.1 Tình hình cấp quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

a. Đầu tư nước ngoài: đã cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 30 dự án với vốn đăng ký 453,319 triệu USD, tăng 11% về số dự án và giảm 39% về vốn đăng ký so với cùng kỳ.

b. Đầu tư trong nước: đã cấp Quyết định chủ trương đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư 65 dự án với tổng vốn đăng ký 10.912,06 tỷ đồng, tăng 27% về số dự án và giảm 30,3% về vốn đăng ký so với cùng kỳ.

c. Đánh giá: việc cấp quyết định chủ trương đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được thực hiện đúng theo quy định.

1.2 Tình hình điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1.2.1 Tăng vốn

a. Đầu tư nước ngoài: 30 lượt dự án điều chỉnh tăng vốn với vốn tăng 322,575 triệu USD, tăng 19,3% về vốn so với cùng kỳ.

b. Đầu tư trong nước: 19 dự án điều chỉnh tăng vốn với vốn tăng 4.403,72 tỷ đồng, bằng 697% về vốn so với cùng kỳ.

1.2.2 Giảm vốn

a. Đầu tư nước ngoài: trên địa bàn tỉnh không có dự án giảm vốn.

b. Đầu tư trong nước: 4 dự án điều chỉnh giảm vốn với vốn giảm 1.297,81 tỷ đồng.

c. Đánh giá: việc điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được thực hiện đúng theo quy định.

1.3 Tình hình thu hồi, chấm dứt hoạt động của các dự án

a. Đầu tư nước ngoài: có 11 dự án chấm dứt hoạt động với số vốn 130,87 triệu USD.

b. Đầu tư trong nước: có 08 dự án chấm dứt hoạt động với số vốn 656 tỷ đồng.

c. Đánh giá: việc thu hồi, chấm dứt hoạt động của các dự án được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định.

Đến 31/12/2018, tỉnh Tây Ninh có 291 dự án đầu tư nước ngoài với vốn đăng ký 5.782,15 triệu USD và 515 dự án đầu tư trong nước còn hiệu lực với vốn đăng ký là 71.515,8 tỷ đồng.

2. Tiến độ thực hiện các dự án và các mục tiêu của dự án:

a. Đầu tư nước ngoài: 222 dự án đi vào hoạt động, 12 dự án đang triển khai xây dựng, 46 dự án chưa xây dựng, 11 dự án dừng hoạt động.

b. Đầu tư trong nước: 282 dự án đi vào hoạt động, 60 dự án đang triển khai xây dựng, 151 dự án chưa xây dựng, 22 dự án dừng hoạt động.

3. Tiến độ góp vốn đầu tư, vốn điều lệ, góp vốn pháp định (đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có yêu cầu phải có vốn pháp định).

a. Các dự án có vốn đầu tư nước ngoài: trong kỳ đã thực hiện khoảng 9.378,02 tỷ đồng, trong đó có 2.384,04 tỷ đồng là vốn góp, còn lại là 6.993,98 tỷ đồng là vốn vay. Hầu hết là vốn đầu tư của các dự án chuyển tiếp.

b. Các dự án có vốn đầu tư trong nước: trong kỳ đã thực hiện khoảng 116 tỷ đồng, Hầu hết là vốn đầu tư của các dự án chuyển tiếp. Đa số các dự án đầu tư trong nước trong KCN, KCX trước đây không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, do đó, không thể xác định được phần vốn góp và vốn vay.

4. Tình hình khai thác, vận hành dự án:

4.1 Đầu tư nước ngoài:

+ Doanh thu: 3.517,2 triệu USD, bằng 119% so với cùng kỳ;

+ Xuất khẩu: 3.662,8 triệu USD, bằng 110% so với cùng kỳ;

+ Nhập khẩu: 3.231,3 triệu USD, bằng 133% so với cùng kỳ;

+ Lao động cuối kỳ: 135.333 lao động; bằng 101% so với cùng kỳ;

+ Nộp ngân sách: 31,65 triệu USD; bằng 97,5% so với cùng kỳ.

4.2 Đầu tư trong nước:

+ Giá trị sản xuất công nghiệp: 23.000 tỷ đồng, tăng 14,8% so với cùng kỳ.

+ Lao động cuối kỳ: 30.000 lao động.

+ Nộp ngân sách: 3,002 tỷ đồng.

5. Việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản theo quy định.

- Số dự án được kiểm tra và đánh giá trong kỳ: 40 dự án (30 dự án trong KCN,KCX KKT và 10 dự án đầu tư ngoài KCN,KCX KKT).

- Các phát hiện chính sau khi kiểm tra, đánh giá các dự án:

+ Các phát hiện chính sau khi kiểm tra, đánh giá các dự án: qua kiểm tra phát hiện 01 trường hợp vi phạm về quản lý đầu tư, đã đề nghị nhà đầu tư điều chỉnh giấy CNĐKĐT cho phù hợp; 03 trường hợp vi phạm về sử dụng đất đai, đã đề nghị nhà đầu tư chuyển mục đích sử dụng đất cho phù hợp 02 trường hợp; 01 trường hợp vi phạm về môi trường, đề nghị khắc phục trước khi mở rộng dự án; phát hiện 01 trường hợp góp không đủ vốn, đã đề nghị Công ty khắc phục.

6. Việc thực hiện quy định tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có): không có.

7. Việc đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các dự án thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện:

Đối với các dự án trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản: có đủ vốn pháp định theo quy định.

Đối với các dự án đầu tư nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa: có giấy phép kinh doanh và giấy phép bán lẻ theo quy định.

8. Tình hình thực hiện ưu đãi đầu tư (nếu có): không có.

9. Các vướng mắc phát sinh và kiến nghị giải pháp xử lý: không có.

(Chi tiết phụ lục 1 và phụ lục 5 đính kèm)

VIII. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ VÀ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

1. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư:

- Đối với các dự án đầu tư sử dụng 30% vốn ngân sách nhà nước trở lên: Thực hiện các quy định hiện hành, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Văn bản số 204/SKHĐT-ĐTTĐGSĐT ngày 25/01/2019 để đôn đốc các Chủ đầu tư lập và gửi báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2018 theo quy định, nhưng đến 15/2/2019 chỉ có 619/878 dự án đã triển khai có báo cáo.

- Đối với các dự án sử dụng các nguồn vốn khác:

Các chủ đầu tư thực hiện báo cáo, giám sát đánh giá đầu tư chưa đầy đủ, có chủ đầu tư không gửi báo cáo.

2. Đánh giá chất lượng của các báo cáo:

Theo báo cáo của các Sở, Ban, Ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố gửi đến thì phần lớn các báo cáo chưa đáp ứng yêu cầu, số liệu không chính xác, thiếu tính cập nhật tình hình trong kỳ báo cáo, một số báo cáo mang tính hình thức, thiếu các thông tin chi tiết.

3. Kết quả kiểm tra, đánh giá dự án đầu tư trong kỳ.

- Số dự án được kiểm tra, mức độ đạt được so với kế hoạch: trong kỳ đã tổ chức kiểm tra giám sát đánh giá đầu tư 11 dự án đạt 100% so với kế hoạch đề ra và kiểm tra quá trình thực hiện công tác đấu thầu tại Sở Văn hóa thể thao và Du lịch, BQLDA đầu tư xây dựng ngành giao thông tỉnh Tây Ninh và UBND huyện Hòa Thành.

(Đính kèm danh mục dự án đã kiểm tra, giám sát)

- Các phát hiện chính sau khi kiểm tra quá trình thực hiện công tác đấu thầu tại Sở Văn hóa thể thao và Du lịch, BQLDA đầu tư xây dựng ngành giao thông tỉnh Tây Ninh và UBND huyện Hòa Thành: Nhìn chung quy trình thủ tục và trình tự lựa chọn nhà thầu của hồ sơ dự án do chủ đầu tư thực hiện tương đối đầy đủ. Tuy nhiên, vẫn còn hạn chế là Chủ đầu tư không thực hiện gói thầu bảo hiểm theo KHLCNT được duyệt nhưng không báo cáo cấp quyết định đầu tư, đăng tải thông báo mời thầu trước khi phê duyệt HSMT, các gói thầu được thẩm định áp dụng các tiêu chí đạt còn chung chung theo mẫu HSMT, chưa cụ thể chi tiết theo tính chất gói thầu. Đồng thời, qua kiểm tra thực tế tại công trình có một số đoạn lề đường bị sạt lở và đoàn kiểm tra đã yêu cầu chủ đầu tư yêu cầu đơn vị thi công khắc phục.

- Các phát hiện chính sau khi kiểm tra giám sát đánh giá đầu tư của 11 dự

án: Nhìn chung quy trình thủ tục và trình tự lựa chọn nhà thầu của hồ sơ dự án do chủ đầu tư thực hiện tương đối đầy đủ.

+ Về công tác chuẩn bị đầu tư: chủ đầu tư cơ bản tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục trong quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

+ Về công tác tổ chức lựa chọn nhà thầu đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đầu thầu và các Nghị định hướng dẫn đấu thầu.

+ Về tiến độ thi công: một số dự án chưa đảm bảo tiến độ so với hợp đồng đã ký kết, chủ đầu tư có trình xin chủ trương gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng và đã được cấp có thẩm quyền cho phép.

+ Theo quan sát thực tế cơ bản các công trình được xây dựng theo đúng hồ sơ thiết kế đã duyệt. Tuy nhiên, một số công trình do có phát sinh khối lượng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nên có gia hạn thời gian để thực hiện phần phát sinh, nhưng không ảnh hưởng đến tiến độ chung của dự án.

+ Hạng mục công trình tại Trường THCS Phước Thạnh; Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha và Dự án Đồn Biên phòng Vàm Trảng Trâu và Trạm kiểm soát biên phòng Bến Cầu đã hoàn thành đưa vào sử dụng và đang trong thời gian bảo hành. Tuy nhiên công trình Trường THCS Phước Thạnh có một số vị trí tường vách ngăn xây bằng gạch không nung bị răng nứt, bị thấm dột và các lam gió, trần la phông chưa đảm bảo thẩm mỹ; Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha có một số vị trí răn nứt và một số vị trí tường bị thấm dột và công trình Đồn Biên phòng Vàm Trảng Trâu và Trạm kiểm soát biên phòng Bến Cầu có một số vị trí sàn trần nhà bị răn nứt và một số vị trí tường bị thấm dột, tổ kiểm tra đã đề nghị chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan kiểm tra kỹ thuật và có biện pháp khắc phục trong thời gian bảo hành công trình.

4. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá dự án đầu tư trong kỳ tiếp theo: Trong kỳ tiếp theo sẽ tổ chức kiểm tra công trình.

(Đính kèm danh mục dự án dự kiến sẽ kiểm tra)

5. Đánh giá chung về công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong kỳ: việc chấp hành chế độ báo cáo của một số chủ đầu tư chưa tốt, cần được tiếp tục đôn đốc nhắc nhở và có biện pháp xử lý theo quy định.

6. Kết quả xử lý sau giám sát, đánh giá đầu tư: Kiến nghị Chủ đầu tư tổ chức rút kinh nghiệm khắc phục các sai sót, thực hiện đúng quy định về trình tự thủ tục xây dựng cơ bản hiện hành.

7. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết: Không có.

IX. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG *(nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa*

được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).

1. Tình hình triển khai công tác giám sát đầu tư của cộng đồng:

Trên địa bàn tỉnh trong năm 2018 có 755 ban giám sát đầu tư của cộng đồng, các ban này được thành lập theo công trình dự án với 4.775 thành viên.

Để thực hiện hiệu quả và đảm bảo các nội dung giám sát và thống nhất chỉ tiêu đánh giá, xếp loại Ban giám sát đầu tư của cộng đồng trong năm 2018, Ban thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Tây Ninh đã ban hành Hướng dẫn số 61/HD-MTTQ-BTT về tiêu chí xếp loại ban GSĐTCCĐ xã, phường, thị trấn; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thanh tra tỉnh tổ chức hội nghị tập huấn công tác giám sát đầu tư của công đồng cho Chủ tịch, Phó chủ tịch của 95 xã, phường, thị trấn về các quy định của pháp luật trong hoạt động GSĐTCCĐ theo Nghị định 159/2016/NĐ-CP, Nghị định 84/2015/NĐ-CP và Thông tư số 25/TTr-MTTQ-BTT. Đồng thời, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban GSĐTCCĐ mặt trận tổ quốc cấp huyện đã tổ chức các lớp tập huấn, hội nghị tọa đàm nhằm làm rõ trách nhiệm và hướng dẫn cụ thể hoạt động GSĐTCCĐ và đề ra các giải pháp khắc phục những khó khăn, vướng mắc ở cơ sở.

Kinh phí hoạt động của Ban GSĐTCCĐ và kinh phí chi trả thù lao trách nhiệm cho các thành viên ban GSĐTCCĐ đã được UBND tỉnh hướng dẫn bằng văn bản, phân cấp cho UBND huyện chỉ đạo UBND xã triển khai thực hiện với mức kinh phí tối thiểu là 5 triệu đồng/xã/năm theo quy định tại khoản 5, Điều 54 Nghị định 84/2015/NĐ-CP. Tuy nhiên, việc thực hiện mức kinh phí hoạt động của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh chưa đảm bảo theo quy định, không đạt mức tối thiểu 5 triệu đồng/ năm cụ thể như sau: có 32 xã được cấp kinh phí đủ 5 triệu, 54 xã được cấp kinh phí từ 2-dưới 5 triệu, 01 xã được cấp dưới 2 triệu và 08 xã không được cấp kinh phí.

Trong năm 2018, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn tỉnh đã giám sát được 798/808 công trình đạt 98,76%. Trong đó, giám sát 459/462 công trình sử dụng vốn và công sức cộng đồng, vốn ngân sách cấp xã và vốn tài trợ trực tiếp cho xã; 284/291 dự án đầu tư công, dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công và dự án đầu tư theo hình thức PPP; 55/55 dự án sử dụng vốn khác. Qua giám sát đã phát hiện 41 công trình có vi phạm và đã yêu cầu chủ đầu tư, nhà thầu khắc phục sai phạm 100%.

2. Đánh giá những mặt được, chưa được:

Được sự quan tâm chỉ đạo lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, sự hỗ trợ của chính quyền các cấp xã đã tạo thuận lợi góp phần nâng cao chất lượng của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Ban thường trực Ủy ban MTTQVN cấp xã đã thực hiện tốt trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo hoạt động giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định.

Hoạt động giám sát đầu tư của cộng đồng đã góp phần thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; góp phần phòng, chống tham nhũng và xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

Bên cạnh những mặt được, cũng có các hạn chế sau:

+ Hoạt động giám sát đầu tư của cộng đồng còn gặp khó khăn trong việc thành lập Ban giám sát đầu tư của cộng đồng cho từng công trình dự án theo Nghị định 84/2015/NĐ-CP. Do đó, còn một vài huyện chưa tổ chức giám sát toàn bộ các công trình, dự án đầu tư trên địa bàn.

+ Kinh phí hoạt động theo quy định được hỗ trợ 5 triệu/năm, tuy nhiên có một số nơi phân bổ giảm hơn so với mức tối thiểu gây ảnh hưởng đến hoạt động của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

3. Kiến nghị: Không.

(Kèm theo phụ lục 06)

X. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ:

Không có.

Trên đây là tổng hợp báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2018 của Tỉnh Tây Ninh năm 2018 báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Bộ KHĐT;
- Vụ giám sát đầu tư;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PTVP, PVP Long, PVP Nhung, KTN;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

6

KT. **CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Văn Thắng

Phụ lục 01

Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư trong kỳ báo cáo

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm	Trong đó bố trí trả nợ đọng XDCB	Nợ đọng XDCB còn lại	Tình hình thực hiện		Tình hình giải ngân		Thất thoát, lãng phí được phát hiện
					Giá trị	so với KH (%)	Giá trị	so với KH (%)	
I	**Dự án sử dụng vốn nhà nước**	**3.210.037**	**71.706**	**55.302**	**2.736.369**	**85,24%**	**2.736.369**	**85,24%**	**Không**
1	***Vốn đầu tư công***	***3.201.901***	***71.706***	***55.302***	***2.726.875***	***85,16%***	***2.726.875***	***85,16%***	
1.1	*Vốn NSNN*	*2.353.092*	*66.832*	*55.302*	*2.175.723*	*92,46%*	*2.175.723*	*92,46%*	
a	Vốn NSTW	216.002	1.408	1.148	182.940	84,69%	182.940	84,69%	
b	Vốn NSĐP	2.137.090	65.424	54.154	1.992.783	93,25%	1.992.783	93,25%	
1.2	*Vốn ODA*	*430.259*			*295.755*	*68,74%*	*295.755*	*68,74%*	
1.3	*Vốn TPCP*	*418.550*	*4.874*		*255.397*	*61,02%*	*255.397*	*61,02%*	
1.4	*Vốn đầu tư công khác*								
2	***Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công***								
3	***Vốn khác***	8.136			9.494	116,7	9.494	116,7	
3.1	Trong nước	500			116	23,20	116	23,20	
3.2	Ngoài nước	7.636			9.378	122,81	9.378	122,81	
II	**Dự án đầu tư theo hình thức PPP**								
1	Vốn đầu tư công tham gia (không tính vào tổng vốn đầu tư)								
2	Vốn chủ sở hữu								
2.1	Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công								
2.2	Vốn khác (trong nước)								
2.3	Vốn khác (nước ngoài)								
3	Vốn vay								
3.1	Vốn đầu tư công								
3.2	Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công								
3.3	Vốn trong nước								
3.4	Vốn nước ngoài								
III	**Dự án sử dụng nguồn vốn khác**								
1	Vốn trong nước								
2	Vốn nước ngoài								
IV	**Tổng cộng**								
1	Vốn đầu tư công (I.1 + II.2 + II.3.1)	3.201.901			2.726.875	85,16%	2.726.875	85,16%	
2	Vốn nhà nước ngoài đầu tư công (I.2 + II.2.1 + II.3.2)								
3	Vốn khác	8.136			9.494	116,7	9.494	116,7	
	Trong nước (I.3.1 + II.2.2 + II.3.3 + III.1)	500			116	23,20	116	23,20	
	Nước ngoài (I.3.2 + II.2.3 + II.3.4 + III.2)	7.636			9.378	122,81	9.378	122,81	

Phụ lục 02

Tổng hợp số liệu về chương trình đầu tư công (do cơ quan là chủ trương trình, chủ dự án thành phần hoặc chủ đầu tư dự án)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	CTMTQG	CTMT	CTMTĐP
I	**Chủ chương trình**			
1	Số lượng	2	3	5
2	Tổng vốn kế hoạch	64.478	126.000	736.690
3	Giá trị thực hiện	63.939	126.000	731.908
4	Giá trị giải ngân	63.939	119.000	731.908
II	**Chủ dự án thành phần**			
1	Số lượng	2	4	9
2	Tổng vốn kế hoạch	64.478	126.000	736.690
3	Giá trị thực hiện	63.939	126.000	731.908
4	Giá trị giải ngân	63.939	119.000	731.908
III	**Chủ đầu tư dự án thuộc các chương trình**			
1	Số lượng	8	4	9
2	Tổng vốn kế hoạch	64.478	126.000	736.690
3	Giá trị thực hiện	63.939	126.000	731.908
4	Giá trị giải ngân	63.939	119.000	731.908

Ghi chú:

1. CTMTQG: Chương trình mục tiêu Quốc gia.

2. CTMT: Chương trình mục tiêu do Chính phủ quyết định chủ trương.

3. CTMTĐP: Chương trình mục tiêu do địa phương quyết định chủ trong.

Phụ lục 03
Tình hình thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án sử dụng vốn nhà nước

TT	Nội dung	Tổng cộng các dự án sử dụng vốn nhà nước				Phân theo nguồn vốn								
						Dự án đầu tư công								DA SD vốn NN ngoài vốn ĐTC
						Dự án sử dụng NSTW				TP CP	ODA	NS ĐP	Vốn ĐTC khác	
		Tổng số	A	B	C	Tổng số	A	B	C					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
I	**Chuẩn bị đầu tư**													
1	Chủ trương đầu tư													
a	*Số dự án có kế hoạch chuẩn bị chủ trương đầu tư trong kỳ*	65		18	47						2	63		
b	*Số dự án được thẩm định chủ trương trong kỳ*	48		5	43						2	46		
c	*Số dự án có quyết định chủ trương trong kỳ*	44		5	39						2	42		
2	Quyết định đầu tư													
a	*Số dự án có kế hoạch lập BCNCKT trong kỳ*													
b	*Số dự án được thẩm định trong kỳ*	64		2	62						2	62		
c	*Số dự án có quyết định đầu tư trong kỳ*	64		2	62						2	62		
II	**Thực hiện đầu tư**													
1	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ	878		14	864			70			1	807		
a	*Số dự án chuyển*	326		7	319			1			1	150		

	tiếp													
b	*Số dự án khởi công mới trong kỳ*	552		7	545			59				493		
2	Số dự án đã thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định trong kỳ	619		14	605			54				565		
3	Số dự án đã thực hiện kiểm tra trong kỳ *(do người có thẩm quyền Quyết định đầu tư và cơ quan quản lý NN thực hiện)*	379			379			54				325		
4	Số dự án đã thực hiện đánh giá trong kỳ	379			379			54				325		
5	Số dự án có vi phạm về thủ tục đầu tư được phát hiện trong kỳ	0												
a	*Không phù hợp với quy hoạch*	0												
b	*Phê duyệt không đúng thẩm quyền*	0												
c	*Không thực hiện đầy đủ trình tự thẩm tra, thẩm định dự án*	0												
6	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý chất lượng được phát hiện trong kỳ *(theo quy định về quản lý chất lượng hiện hành)*	0												
7	Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện trong kỳ *(sau khi thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, quyết toán)*	0												
a	*Tổng vốn đầu tư*	0												

	của các dự án có thất thoát, lãng phí bị phát hiện													
b	*Tổng số tiền bị thất thoát, lãng phí được xác định*	0												
8	Số dự án chậm tiến độ trong kỳ	24		8	16							24		
a	*Số dự án chậm tiến độ do thủ tục đầu tư*													
b	*Số dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng*	1			1							1		
c	*Số dự án chậm tiến độ do năng lực của chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các nhà thầu*													
d	*Số dự án chậm tiến độ do bố trí vốn không kịp thời*													
đ	*Số dự án chậm do các nguyên nhân khác*	23		8	15							23		
9	Số dự án phải điều chỉnh trong kỳ	24		8	16							24		
a	*Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư*	15		4	11							15		
b	*Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư*	3			3							3		
c	*Số dự án phải điều chỉnh tiến độ đầu tư*	10		4	6							10		
d	*Số dự án phải điều chỉnh do các nguyên nhân khác*	5		2	3							5		
10	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau	2			2							2		
11	Số dự án thực hiện lựa chọn nhà thầu trong kỳ	585		8	577			49				536		

a	*Tổng số gói thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kỳ*	2.112		80	2.032			191				1.921		
-	Chỉ định thầu	1.595		40	1.555			171				1.424		
-	Đấu thầu hạn chế													
-	Đấu thầu rộng rãi	195		40	155			20				175		
-	Hình thức khác	322			322							322		
b	*Tổng số gói thầu có vi phạm thủ tục đấu thầu được phát hiện trong kỳ*	0												
-	Đấu thầu không đúng quy định	0												
-	Ký hợp đồng không đúng quy định	0												
III	**Kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào sử dụng**													
1	Số dự án kết thúc đầu tư trong kỳ				455			48				407		
2	Lũy kế số dự án đã kết thúc nhưng chưa được quyết toán				178							178		
3	Số dự án được quyết toán trong kỳ				320			48				272		
4	Tình hình khai thác vận hành													
a	*Số dự án đã đưa vào vận hành*				455			48				407		
b	*Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật, không có hiệu quả (nếu có)*													
c	*Số dự án được đánh giá tác động trong kỳ*	0												

Ghi chú: A*: dự án từ nhóm A trở lên (bao gồm cả dự án quan trọng Quốc gia)

Phụ lục 04

Tình hình thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án đầu tư theo hình thức PPP trong kỳ

TT	Nội dung	Tổng số	Phân theo nhóm		
			A*	B	C
I	**Chuẩn bị đầu tư**	0			
1	Danh mục dự án				
a	*Số dự án thực hiện thủ tục đề xuất đầu tư*				
	- Do cơ quan nhà nước đề xuất				
	- Do nhà đầu tư đề xuất				
b	*Số dự án được phê duyệt đề xuất, công bố*				
2	Số dự án có quyết định đầu tư				
3	Số dự án hoàn thành lựa chọn nhà đầu tư				
	- Chỉ định nhà đầu tư:				
	- Đấu thầu rộng rãi:				
4	Số dự án được cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư				
5	Số dự án được điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư				
6	Số dự án hoàn tất các thủ tục Hợp đồng dự án				
II	**Thực hiện đầu tư**				
1	Số dự án thực hiện đầu tư	1		1	
a	*Số dự án chuyển tiếp*	1		1	
b	*Số dự án khởi công mới*				
2	Số dự án đã thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định				
3	Số dự án đã thực hiện kiểm tra (do người có thẩm quyền Quyết định đầu tư và cơ quan quản lý NN thực hiện)				
4	Số dự án đã thực hiện đánh giá				
5	Số dự án có vi phạm quy định về thủ tục đầu tư, quản lý chất lượng được phát hiện				
6	Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện *(sau khi thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, quyết toán)*				
a	*Tổng vốn đầu tư của các dự án có thất thoát, lãng phí bị phát hiện*				

b	*Tổng số tiền bị thất thoát, lãng phí được xác định*				
7	Số dự án chậm tiến độ				
a	*Số dự án chậm tiến độ do thủ tục đầu tư*				
b	*Số dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng*				
c	*Số dự án chậm tiến độ do năng lực của Nhà đầu tư, nhà thầu*				
d	*Số dự án chậm tiến độ do nguyên nhân khác*				
8	Số dự án phải điều chỉnh				
a	*Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư*				
b	*Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư*				
c	*Số dự án phải điều chỉnh tiến độ đầu tư*				
d	*Số dự án phải điều chỉnh do các nguyên nhân khác*				
9	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau				
III	**Kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào sử dụng**				
1	Số dự án kết thúc đầu tư				
2	Lũy kế số dự án đã kết thúc nhưng chưa được quyết toán				
3	Số dự án được quyết toán				
4	Tình hình khai thác vận hành				
a	Lũy kế số dự án đã đưa vào vận hành				
b	Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật.				
c	Số dự án đã đưa vào sử dụng nhưng hiệu quả thấp hoặc không hiệu quả (nếu có)				

Phụ lục 5:

Tình hình thực hiện giám sát đầu tư các dự án sử dụng các nguồn vốn khác

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Dự án FDI			Dự án trong nước		
			1	2	3	1	2	3
1	Số dự án nộp thủ tục xin chủ trương đầu tư	206		1	0		189	16
2	Số dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư	49		0	0		49	0
3	Số dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong kỳ	66		1	29		20	16
4	Số dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh trong kỳ	53		1	29		15	8
5	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ	78			29	0	49	14
	Dự án cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	46		1	29		17	14
	Dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	32		0	0		32	0
6	Vốn đầu tư đăng ký (tỷ đồng):							
a	Lũy kế tổng vốn đăng ký đầu tư	184.561,53		9.054,90	106.440,75		44.577,75	24.488,13
b	Tổng số vốn đăng ký đầu tư tăng thêm trong kỳ	17.845,58		954,50	16.891,08			
	Dự án đăng ký mới	95		1	29		49	16
	Dự án đăng ký điều chỉnh tăng vốn đầu tư	49		1	29		13	6
7	Vốn đầu tư thực hiện (tỷ đồng):							
a	Lũy kế tổng vốn đầu tư thực hiện	75.464,93		5.536,11	51.865,36		12.510,06	5.553,40
b	Tổng vốn đầu tư thực hiện trong kỳ	10.605,02		338,79	9.039,23		945,00	282,00

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Dự án FDI			Dự án trong nước		
			1	2	3	1	2	3
	Vốn chủ sở hữu	2.549,04		111,36	2.272,68		165,00	
	Vốn vay	7.773,98		227,43	6.766,55		780,00	
	Vốn huy động hợp pháp khác						0	0
8	Số dự án đã được kiểm tra, đánh giá trong kỳ	39			30		9	
9	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý đầu tư được phát hiện trong kỳ	1					1	
10	Số dự án có vi phạm quy định về bảo vệ môi trường được phát hiện trong kỳ	1					1	
11	Số dự án có vi phạm quy định về sử dụng đất đai được phát hiện trong kỳ	3					3	
12	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý tài nguyên được phát hiện trong kỳ							
13	Số dự án phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong kỳ	17		1	8		2	6
14	Số dự án đã kết thúc đầu tư trong kỳ	17		1	8		2	6
15	Số dự án đưa vào khai thác vận hành trong kỳ	9		1	2		1	5
a	Số dự án có lợi nhuận	6					1	5
b	Tình hình nộp ngân sách (tỷ đồng)	3,00		0,00	0,00		1,00	2,00

Phụ lục 06

Tổng hợp kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng Năm 2018

Tỉnh Tây Ninh

	Tổng số dự án đầu tư	Trong đó:			Ghi chú
		Dự án sử dụng vốn và công sức cộng đồng; vốn ngân sách cấp xã; vốn tài trợ trực tiếp cho xã	Dự án đầu tư công; dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công và dự án đầu tư theo hình thức PPP	Dự án sử dụng vốn khác	
1. Tổng số dự án đầu tư trên địa bàn	808	462	291	55	
2. Tổng số dự án cộng đồng đã giám sát, trong đó:	798	459	284	55	
- Đúng quy định	757	440	266	51	
- Có vi phạm	41	19	18	4	
- Chưa xác định được					
3. Số dự án cộng đồng chưa giám sát, trong đó:	10	3	7		
- Do các cơ quan chưa công khai thông tin	4		4		
- Do chủ đầu tư chưa công khai thông tin					
- Lý do khác	6	3	3		
4. Tổng số dự án cộng đồng đã phản ánh có vi phạm:	41	19	18	4	
- Đã có thông báo kết quả xử lý.					
- Chưa có thông báo kết quả xử lý					
- Chủ đầu tư đã chấp hành theo thông báo	41	19	18	4	

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2019 CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Dự kiến thời gian kiểm tra
1	Hẻm số 6, đường bời lời, KP Ninh trung, phường Ninh Sơn	BQLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Tháng 3/2019
2	Đường Trưng Nữ Vương đoạn từ cầu Thái Hòa đến QL22B	BQLDA ĐTXD ngành giao thông	Tháng 3/2019
3	Đường Phước Vinh – Sóc Thiết – Tà Xia	BQLDA ĐTXD ngành giao thông	Tháng 3/2019
4	Đường Đất Sét – Bến Củi	BQLDA ĐTXD ngành giao thông	Tháng 3/2019
5	Trụ sở làm việc thủy đội thuộc phòng cảnh sát giao thông tỉnh	BQLDA ĐTXD tỉnh Tây Ninh	Tháng 5/2019
6	Trung tâm bảo trợ tổng hợp	BQLDA ĐTXD tỉnh Tây Ninh	Tháng 5/2019
7	Trường THPT Quang Trung	BQLDA ĐTXD tỉnh Tây Ninh	Tháng 5/2019
8	Nâng cấp Trung tâm y tế huyện Gò Dầu	BQLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Tháng 6/2019
9	Nâng cấp cơ sở hạ tầng chợ Gò Dầu	BQLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Tháng 6/2019
10	Trường THCS Trường Tây	BQLDA ĐTXD huyện Hòa Thành	Tháng 7/2019
11	Kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa giai đoạn 2017-2020	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tháng 8/2019
12	Kênh tiêu Hội Thành	BQLDA ĐTXD ngành NN&PTNT	Tháng 9/2019
13	Kênh tiêu Hội Thạnh	BQLDA ĐTXD ngành NN&PTNT	Tháng 9/2019
14	Trường THCS thị trấn Châu Thành	BQLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Tháng 11/2019
15	Trường THCS An Thạnh	BQLDA ĐTXD huyện Bến Cầu	Tháng 11/2019
16	Trường THCS Tân Hòa	BQLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Tháng 11/2019
17	Trường TH Thạnh Tây	BQLDA ĐTXD	Tháng

		huyện Tân Biên	11/2019

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐÃ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2018 CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Thời gian kiểm tra
1	Láng nhựa tuyến đường Long Phi đi Long An (đoạn từ nhà ông Rem đến giáp ranh Campuchia)	BQLDA đầu tư xây dựng huyện Bến Cầu	Tháng 4/2018
2	Trường mầm non Trảng Bàng	BQLDA đầu tư xây dựng huyện Trảng Bàng	Tháng 4/2018
3	Trường THCS Phước Thạnh	UBND huyện Gò Dầu	Tháng 4/2018
4	Nâng cấp đường huyện 7 (đoạn từ chợ Hòa Bình đến chốt biên phòng Vàm Trảng Trâu)	BQLDA đầu tư xây dựng huyện Châu Thành	Tháng 5/2018
5	Đường cửa khẩu biên mậu (Tiểu dự án Đường Kà Tum Tân Hà)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng ngành giao thông	Tháng 5/2018
6	Nạo vét kênh tiêu Tà Xia	Ban QLDA Đầu tư xây dựng ngành NN & PTNT	Tháng 6/2018
7	Nâng cấp cải tạo, sửa chữa Trung tâm giáo dục lao động xã hội	Sở Lao động thương Binh và Xã Hội	Tháng 6/2018
8	Đồn Biên phòng Vàm Trảng Trâu và Trạm kiểm soát biên phòng Bến Cầu	BCH Bộ đội biên phòng Tỉnh Tây Ninh	Tháng 7/2018
9	Trường THCS Tân Hưng	BQLDA đầu tư xây dựng huyện Tân Châu	Tháng 11/2018
10	Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha	Ban QLDA Đầu tư xây dựng Tây Ninh	Tháng 11/2018
11	Đường Nông sản, xã Tân Lập	BQLDA đầu tư xây dựng huyện Tân Biên	Tháng 11/2018

PHỤ BIỂU:

TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC DỰ ÁN QUY HOẠCH NĂM 2018

STT	Tên dự án quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch	Quyết định phê duyệt
	Quy hoạch chuyển tiếp năm 2017 chuyển sang	
1	Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2018 - 2020 có xét đến 2035	HP1: Quyết định số 2966/QĐ-BCT ngày 21/8/2018 của Bộ Công Thương HP2: Quyết định số 2497/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh
2	Quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2006-2010	Quyết định số 3189/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 (đc) của UBND tỉnh
3	Quy hoạch thủy lợi tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2035	Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của UBND tỉnh
4	Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035	Quyết định số 3172/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh
5	Điều chỉnh quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Tây Ninh đến năm 2020	Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh
6	Quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030	Quyết định số 2756/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh
7	Điều chỉnh quy hoạch chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Quyết định số 3069/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh